

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L; Nơi cư trú: Số M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Hoàng P; Nơi cư trú: Số B, Khóm M, ấp T, xã H, thành phố V; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị L và anh Bùi Hoàng P tự tìm hiểu khoảng 06 năm tiền tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/8/2011. Sau khi kết hôn, chị L sống chung với gia đình cha mẹ ruột tại số M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; còn anh P đi làm và sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, cứ ăn chơi sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên chơi game không chịu

tìm kiếm việc làm để lo cho vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị L xác định không còn tình cảm gì với anh P, vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu xin được ly hôn với anh Bùi Hoàng P.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Ngọc Khánh L, sinh ngày 11/02/2013 và hiện đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/12/2017, bị đơn Bùi Hoàng P trình bày:

Anh P thừa nhận có chơi game, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay, nhưng hiện nay đã có việc làm ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Anh P xác định vẫn còn tình cảm với chị L, anh không đồng ý ly hôn, do con còn quá nhỏ mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau lo cho con.

Về con chung: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của chị L; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các Điều 9, 85, 87, 89, 91, 92, 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L được quyền ly hôn với anh Bùi Hoàng P. Về con chung: Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Khánh L, sinh ngày 11/02/2013, anh P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn Bùi Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn Bùi Hoàng P.

[2] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị L và anh Bùi Hoàng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/8/2011; do đó, quan hệ hôn nhân của chị L và anh P là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Chị L cho rằng vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay, còn anh P xác định vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Đối chiếu với quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: “Vợ chồng phải có nghĩa chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”, nhưng giữa chị L và anh P mâu thuẫn vợ chồng kéo dài vẫn không hàn gắn được. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung.

Về yêu cầu nuôi con chung của chị L: Xét thấy, chị L và anh P ly thân từ năm 2013 cho đến nay, trong thời gian đó cháu L sống với chị L, cuộc sống của cháu đang ổn định. Xét thấy, anh P cũng đồng ý thống nhất với yêu cầu của chị L, Do đó, việc giao cháu L cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng nuôi con, nên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh P khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Trần Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 9, 85, 87, 89, 91, 92, 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Bùi Hoàng P.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Bùi Ngọc Khánh L, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh P được quyền tới lui thăm nom con, không ai được quyền ngăn cản nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Bùi Hoàng P khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003518 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TP V;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Cơ quan đã thực hiện việc
đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan